

**NGHỊ QUYẾT**

**Về điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2022  
nguồn vốn bội chi ngân sách địa phương, tỉnh Sóc Trăng**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG  
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ 6 (CHUYÊN ĐỀ)**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;*

*Căn cứ Nghị định số 114/2021/NĐ-CP ngày 16 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài;*

*Căn cứ Quyết định số 2048/QĐ-TTg ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2022;*

*Căn cứ Nghị quyết số 14/2020/NQ-HĐND ngày 22 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng quy định việc phân cấp nhiệm vụ chi đầu tư phát triển và các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025, tỉnh Sóc Trăng;*

*Căn cứ Nghị quyết số 182/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng về phân bổ kế hoạch đầu tư năm 2022 vốn ngân sách địa phương, tỉnh Sóc Trăng;*

*Xét Tờ trình số 63/TTr-UBND ngày 16 tháng 5 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2022 nguồn vốn bội chi ngân sách địa phương, tỉnh Sóc Trăng; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Thống nhất nội dung điều chỉnh giảm và tăng 12.340 triệu đồng (mười hai tỷ ba trăm bốn mươi triệu đồng) kế hoạch đầu tư công năm 2022 nguồn vốn bội chi ngân sách địa phương, tỉnh Sóc Trăng trong tổng kế hoạch vốn đã giao là 143.100 triệu đồng.

*(Chi tiết theo Phụ lục đính kèm).*

**Điều 2.**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết theo quy định pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ thường xuyên giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng Khóa X, Kỳ họp thứ 6 (chuyên đề) thông qua ngày 20 tháng 5 năm 2022./.

**Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Ban Công tác đại biểu;
- Văn phòng Quốc hội (Bộ phận phía Nam);
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính;
- TT. TU, TT. HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội đơn vị tỉnh Sóc Trăng;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT.

**CHỦ TỊCH****Hồ Thị Cẩm Đào**



Phụ lục

**ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN BỘI CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2022**

(Kế thừa Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 20 tháng 5 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

(Đơn vị tính: Triệu đồng)

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Nhà tài trợ	Ngày ký kết hiệp định	Ngày kết thúc Hiệp định	Số quyết định	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Quyết định đầu tư						Lũy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2021				Kế hoạch năm 2022	Điều chỉnh tăng (+), giảm (-)		Kế hoạch năm 2022 sau điều chỉnh	Ghi chú			
								Tổng mức đầu tư						Tổng số	Vốn đối ứng	Vốn ODA cấp phát từ Chính phủ	Vốn bù chi ngân sách địa phương (ODA địa phương vay)		Giảm	Tăng					
								Trong đó:															Vốn đối ứng	Vốn ODA cấp phát từ Chính phủ	Vốn bù chi ngân sách địa phương (ODA địa phương vay)
								Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)															
								Tổng số	Trong đó: vốn NSTW	Tinh bằng nguyên tệ	Quy đổi ra tiền Việt														
Tổng số	Đưa vào cân đối NSTW	Vay lại																							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	
	<b>TỔNG SỐ</b>						1.999.129	554.296	118.300	-	1.444.833	984.867	459.966	1.205.178	408.410	178.683	618.085	143.100	-12.340	12.340	143.100				
I	Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản						942.556	295.723	-		646.833	517.467	129.366	716.044	241.675	108.874	365.495	20.530	0	12.340	32.870				
(3)	Danh mục dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2021						942.556	295.723	-		646.833	517.467	129.366	716.044	241.675	108.874	365.495	20.530	0	12.340	32.870				
b	Dự án nhóm B						942.556	295.723	-		646.833	517.467	129.366	716.044	241.675	108.874	365.495	20.530	0	12.340	32.870				
1	Dự án Đầu tư hạ tầng kỹ thuật phục vụ chuyển đổi sản xuất phù hợp với điều kiện sinh thái để thích ứng với biến đổi khí hậu và nâng cao sinh kế người dân khu vực Cù Lao Dung (Dự án ICRSL)	7601007	Hiệp hội phát triển Quốc tế (IDA)	19/05/2016	31/12/2022	2779/QĐ-UBND ngày 30/10/2017; 1960/QĐ-UBND ngày 20/7/2020	942.556	295.723		29.032 triệu USD	646.833	517.467	129.366	716.044	241.675	108.874	365.495	20.530		12.340	32.870				
II	Các công trình công cộng tại các đô thị						1.056.573	258.573	118.300	-	798.000	467.400	330.600	489.134	166.735	69.809	252.590	122.570	-12.340	-	110.230				
(3)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2021						1.056.573	258.573	118.300	-	798.000	467.400	330.600	489.134	166.735	69.809	252.590	122.570	-12.340	-	110.230				
b	Dự án nhóm B						1.056.573	258.573	118.300	-	798.000	467.400	330.600	489.134	166.735	69.809	252.590	122.570	-12.340	-	110.230				
1	Mở rộng nâng cấp đô thị Việt Nam - Tiêu dự án thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng	7616437	WB	29/06/2018	31/12/2023	2756/QĐ-UBND ngày 27/10/2017	1.056.573	258.573	118.300	35 triệu USD	798.000	467.400	330.600	489.134	166.735	69.809	252.590	122.570	-12.340		110.230				

Ghi chú:

(1) Các đơn vị chịu trách nhiệm thực hiện đúng theo quy định tại Luật Đầu tư công, các quy định có liên quan để không xảy ra nợ đọng xây dựng cơ bản.